

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 424/2024/DS-PT

Ngày 30-8-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường

Ông Phạm Văn Diệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phó, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2024/TLPT-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 393/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Lại Thị N, sinh năm 1968, nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3.2. Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1991, nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

4. **Người kháng cáo:** chị Nguyễn Thị G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – chị Trần Thị Thu T trình bày: chị và chị Nguyễn Thị Giàu c quan hệ bà con, chị gọi chị G bằng dì. Trong năm 2022 chị cho chị G vay tiền

nhiều lần, tính đến ngày 21/7/2023 số tiền vay tổng cộng là 192.000.000 đồng. Ngoài ra, chị còn cho chị G mượn số nữ trang bằng vàng tương đương số tiền 27.884.000 đồng. Khi đưa tiền và vàng cho chị G, vì là chỗ người thân nên không làm giấy. Do đòi nhiều lần chị G không trả nên chị khởi kiện yêu cầu chị G hoàn trả số tiền vay 192.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/7/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng; yêu cầu chị G hoàn trả số vàng đã mượn tương đương 27.884.000 đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền này.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị thừa nhận có mượn số nữ trang bằng vàng của chị T và chị đồng ý hoàn trả cho chị T số tiền 27.884.000 đồng. Còn số tiền 192.000.000 đồng chị không vay nên không đồng ý trả.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 36/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” với chị Nguyễn Thị G;

- Buộc chị Nguyễn Thị Giàu c nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị Thu T số tiền 209.529.500 đồng; trong đó 192.000.000 đồng là tiền gốc và 17.529.500 đồng tiền lãi.

- Buộc chị Nguyễn Thị Giàu c nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị Thu T số tiền 27.884.000 đồng giá trị số nữ trang đã mượn; ghi nhận chị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Tổng số tiền chị Nguyễn Thị Giàu c nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị Thu T là 237.413.500 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ khi thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 05/7/2024 chị G kháng cáo với nội dung: chị không vay của chị T số tiền 192.000.000 đồng; trong đoạn ghi âm không đề cập đến khoản vay nào giữa chị và chị T, cũng không thể hiện hứa trả hay thừa nhận số nợ 192.000.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn tiền chị T cho vay từ đâu mà có; tại sao số tiền lại lẻ 2.000.000 đồng mà không phải là 200.000.000 đồng hay 190.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị G; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của chị G là bị đơn làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, phù hợp với quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của chị G, Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và chị Giàu có mối quan hệ dì – cháu; trong đó chị G là dì. Ngoài ra, chị T còn làm thuê cho cơ sở thu mua phế liệu của chị G tại xã T, huyện T. Chị T cho rằng trong tháng 6 và tháng 7 năm 2022 chị G vay của chị nhiều lần tiền, cụ thể: chị cho chị G vay 130.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2%/tháng, số tiền này chị vay của bà Đoàn Thị Kim H1, ngụ tại xã Đ, huyện C để cho chị G vay lại. Chị G đóng tiền lãi đến tháng 12/2022 thì ngưng. Tiền cá nhân của chị cho chị G vay 62.000.000 đồng không tính lãi. Mục đích chị G vay là để mua phế liệu, làm giấy tờ đất và mổ tim cho mẹ chồng chị G. Tổng cộng tiền chị cho chị G vay là 192.000.000 đồng. Ngoài ra, chị G còn mượn một số nữ trang bằng vàng của chị như bộ vòng xi men, nhẫn, dây chuyền; chị G đem số nữ trang này cầm cố tại tiệm V vay số tiền 22.000.000 đồng, sau đó không chuộc về trả lại cho chị, nên chị yêu cầu chị G trả lại bằng tiền tương đương giá trị là 27.884.000 đồng.

[3] Vụ việc này chị T khởi kiện chị G tại Tòa án nhân dân huyện TB vào ngày 01/02/2023 và Tòa án đã thụ lý, giải quyết đến ngày 26/6/2023 chị T rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 01/7/2023 chị T khởi kiện lại với yêu cầu buộc chị G trả tiền vay 192.000.000 đồng và số nữ trang đã mượn.

[4] Chị G chỉ đồng ý trả cho chị T trị giá số nữ trang đã mượn, còn tiền vay chị G không thừa nhận. Xét thấy, mặc dù chị T cho chị G vay tiền cũng như cho mượn số nữ trang đều không làm bằng văn bản, nên chị G chỉ thừa nhận có mượn số nữ trang và đồng ý trả cho chị T giá trị số nữ trang này, còn số tiền 192.000.000 đồng chị G không thừa nhận có vay. Tuy nhiên, 03 file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại và ghi âm trực tiếp giữa chị T và chị G do chị T cung cấp được chị G xác nhận đúng giọng nói của chị (BL 126) thể hiện như sau:

File ghi âm ngày 10/7/2022: chị G hỏi mượn tiền của chị T với lý do má anh P (chồng của chị G) bệnh phải nhập viện cần nộp ứng tiền viện phí và chị G nói chị T chuyển khoản qua cho chị nhưng chị T nói không biết chuyển khoản, nên chị G nói giao tiền mặt cho chị G.

File ghi âm ngày 21/01/2023: chị T thông báo cho chị G biết số tiền mà chị T vay của người khác (chị B) đưa chị G 130.000.000 đồng, tiền lãi hiện phải đóng 2.600.000 đồng, người cho vay đang đòi nên yêu cầu chị G phải đóng cho người ta nếu không 30 Tết người ta đến quậy; còn số tiền 62.000.000 đồng của chị T cho chị G vay thì không tính lãi cũng được. Ngay sau đó chị G nói nhờ chị T đóng tiền lãi cho họ trước, rồi tiền đó qua Tết chị G về giải quyết. Các đối đáp qua lại còn thể hiện chị G cho rằng số tiền nợ là do ông P gây ra, còn chị T khẳng định giao tiền mặt cho chị G, không có sự phản đối nào của chị G về các lời khẳng định của chị T.

File ghi âm ngày 27/01/2023: chị T nói cho chị G mượn tiền 10 ngày sau phải trả nhưng khi đòi thì không trả; chị G trả lời “hồi đó con cho dì ba mượn khi nào có thì trả thôi”; khi chị T khẳng định cho chị G vay 200.000.000 đồng, tiền vàng là 22.000.000 đồng và khẳng định mượn là phải trả thì chị G xác nhận “ừ, đúng, mượn là phải trả”.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2023, chị G thừa nhận các file ghi âm mà chị T cung cấp chị có nghe, đúng là cuộc trao đổi qua lại giữa chị và chị T; nhưng nội dung file ghi âm này là việc chị và chị T trao đổi ông P gửi tiền cho chị để chị đóng lãi cho chị T mỗi tháng khoản hai triệu mấy. Chị G còn xác định số tiền 130.000.000 đồng là do ông P vay của chị T, không phải chị vay (BL 44,45).

Hơn nữa, tại biên bản hòa giải ngày 25/4/2023 chị G xác định: có vay 05 lần với số tiền là 192.000.000 đồng không phải chị vay của chị T mà do anh Danh Ngọc P1 là chồng trước của chị vay để mở tiệm cho mẹ anh P1, nhưng chị là người đóng lãi cho chị T từ ngày vay đến khoảng tháng 11/2022 (BL 133).

Tin nhắn qua Zalo chị G xác nhận cho chị T là còn nợ “tổng cộng 62500”, chị G cho rằng đó là xác nhận về số tiền thu mua hàng hóa.

[5] Quá trình giải quyết vụ án chị G không đồng ý cho Tòa án lấy mẫu âm thanh để giám định tiếng nói của chị G trong các file ghi âm. Tuy nhiên, các khẳng định của chị G là đúng giọng nói của mình tại các file ghi âm do chị T cung cấp đã đủ cơ sở xác định đây là chứng cứ hợp pháp, không cần phải giám định. Kết quả giám định các file ghi âm này khẳng định không bị cắt ghép. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định chị G còn nợ tiền, vàng của chị T như yêu cầu khởi kiện của chị T, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị G trả lại tiền và giá trị trang sức bằng vàng cho chị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của chị G không có căn cứ chấp nhận, nên giữa nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên chị G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[8] Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị G; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” với chị Nguyễn Thị G;

- Buộc chị Nguyễn Thị Giàu c nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị Thu T số tiền 209.529.500 (hai trăm lẻ chín triệu năm trăm hai mươi chín nghìn năm trăm) đồng, trong đó 192.000.000 đồng là tiền gốc và 17.529.500 đồng là tiền lãi.

- Buộc chị Nguyễn Thị Giàu c nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị Thu T số tiền 27.884.000 (hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn) đồng giá trị số nữ trang đã mượn; ghi nhận chị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Tổng số tiền vay chị G phải trả cho chị T là: 237.413.500 (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm) đồng.

1.2. Về chi phí trưng cầu giám định: chị Giàu c nghĩa vụ hoàn trả cho chị T số tiền 5.982.000 (năm triệu chín trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa nộp trả số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 11.870.500 (mười một triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, năm trăm) đồng.

Chị Trần Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Trần Thị Thu T số tiền 5.887.000 (năm triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004538 ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

2. Án phí phúc thẩm: chị G phải chịu 300.000 đồng; ghi nhận chị G đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0005109, ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh

3. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh